

Số: 3092/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 11 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao đất cho Ủy ban nhân dân xã Lộc An quản lý tại xã Lộc An,
huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và
Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ
Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê
đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*ăn cứ Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Phương án Quản lý và khai thác
sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ kế hoạch số 9448/KH-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc rà soát, xử lý tồn tại đối với đất do Ủy ban
nhân dân cấp xã quản lý;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
772/TTr-STNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Ủy ban nhân dân xã Lộc An tiếp tục quản lý 10 thửa đất tại xã
Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

1. Tờ bản đồ địa chính số 14, thửa đất số 72, diện tích 942,5 m². Vị trí,
ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ



địa chính số 3421/2022 tỷ lệ 1:500 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 9 tháng 6 năm 2022 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 13 tháng 6 năm 2022 (kèm theo).

2. Tờ bản đồ địa chính số 16, thửa đất số 18, diện tích 62,1 m². Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 3346/2022 tỷ lệ 1:500 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 13 tháng 8 năm 2022 (kèm theo).

3. Tờ bản đồ địa chính số 24, thửa đất số 238, diện tích 1252,4 m². Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 3420/2022 tỷ lệ 1:1000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 9 tháng 6 năm 2022 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 13 tháng 6 năm 2022 (kèm theo).

4. Tờ bản đồ địa chính số 31, thửa đất số 227, diện tích 725,0 m². Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 3424/2022 tỷ lệ 1:500 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 9 tháng 6 năm 2022 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 13 tháng 6 năm 2022 (kèm theo).

5. Tờ bản đồ địa chính số 24, thửa đất số 189, diện tích 648,3 m². Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 3422/2022 tỷ lệ 1:500 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 9 tháng 6 năm 2022 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 13 tháng 6 năm 2022 (kèm theo).

6. Tờ bản đồ địa chính số 24, thửa đất số 235, diện tích 195,9 m². Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 3423/2022 tỷ lệ 1:500 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 9 tháng 6 năm 2022 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 13 tháng 6 năm 2022 (kèm theo).

7. Tờ bản đồ địa chính số 19, thửa đất số 49, diện tích 1266,6 m². Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 3345/2022 tỷ lệ 1:1000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 13 tháng 8 năm 2022 (kèm theo).

8. Tờ bản đồ địa chính số 13, thửa đất số 242, diện tích 10179,4 m². Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 3347/2022 tỷ lệ 1:2000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 9 tháng 6 năm 2022 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 13 tháng 6 năm 2022 (kèm theo).

trường Đồng Nai thực hiện ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 13 tháng 8 năm 2022 (kèm theo).

9. Tờ bản đồ địa chính số 26, thửa đất số 39, diện tích 545,6 m². Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 3343/2022 tỷ lệ 1:500 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 13 tháng 8 năm 2022 (kèm theo).

10. Tờ bản đồ địa chính số 24, thửa đất số 256, diện tích 532,0 m². Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 3344/2022 tỷ lệ 1:500 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 13 tháng 8 năm 2022 (kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Căn cứ Điều 1 Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện việc cập nhật thông tin vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Lộc An quản lý chặt chẽ khu đất, không để đất bị lấn chiếm, không được cho thuê, cho mượn trái quy định pháp luật, bàn giao lại đất khi nhà nước thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Thành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lộc An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP.UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử (đăng tin);
- Lưu VT, KTN.

Vinh ktn loc an LT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi